

Bản án số: 79/2019/DS-ST
Ngày 12 - 7 - 2019
V/v tranh chấp hụi, vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoài Phong

Ông Trần Chí Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 12 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 148/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 220/2019/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 152/2019/QĐST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Anh Phạm Như E , sinh năm 1983.

2. Chị Nguyễn Kim T , sinh năm 1988.

3. Anh Trần Bá T1 , sinh năm 1986.

4. Bà Nguyễn Thanh H , sinh năm 1946.

5. Chị Trần Thị T2, sinh năm 1981.

6. Anh Huỳnh Công C , sinh năm 1981.

Cùng cư trú tại: Ấp Tân Thành A, xã N, huyện Đ , tỉnh C . (bà H , chị T, chị T1, anh E , anh C có mặt; anh T2 vắng mặt)

7. Chị Phạm Út T3, sinh năm 1991.

Cư trú tại: Ấp Tân Hồng, xã T, huyện Đ , tỉnh C . (có mặt)

8. Chị Phạm Thu Y , sinh năm 1979.

Cư trú tại: Ấp Tân Lợi A, xã T , huyện Đ , tỉnh C . (có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn V , sinh năm 1971 và bà Trương Lệ T4, sinh năm 1972.

Cùng cư trú tại: Ấp Tân Thành A, xã T , huyện Đ , tỉnh C . (ông V có mặt; bà T4 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 3 năm 2019 và các ngày 04 và 18 tháng 4 năm 2019 của các nguyên đơn và các lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa các nguyên đơn:

Anh Phạm Như E trình bày: Anh có tham gia 01 chung hụi 500.000 đồng mở ngày 15/7/2017 al, hụi nửa tháng khai 01 lần do ông V , bà T4 làm đầu thảo. Dây hụi có 45 chung. Quá trình tham gia hụi anh đã đóng được 28 lần ông V , bà T4 đình hụi ngày 15/9/2018 al. Số tiền hụi ông V , bà T4 còn thiếu anh là 28 lần với số tiền 14.000.000 đồng, trừ cò 250.000 đồng.

Anh yêu cầu ông Nguyễn Văn V và bà Trương Lệ T4 trả số tiền hụi là 13.750.000 đồng.

Chị Phạm Thu Y trình bày: Chị có tham gia hụi do ông V , bà T4 làm đầu thảo, cụ thể như sau:

Dây thứ nhất: Mở ngày 15/01/2017 al, hụi 1.000.000 đồng, tháng khai 01 lần, có 31 chung, chị tham gia 02 chung. Chị đóng hụi được 21 lần ông V g và bà T4 đình hụi ngày 15/9/2018 al, trong dây hụi này ông V , bà T4 còn thiếu lại chị 42.000.000 đồng.

Dây thứ hai: Mở ngày 30/3/2017 al, hụi 500.000 đồng, tháng khai 01 lần, có 41 chung, chị tham gia 01 chung. Chị đóng hụi được 19 lần thì ông V và bà T4 đình hụi ngày 15/9/2018, trong dây hụi này ông V và bà T4 còn thiếu lại chị 9.500.000 đồng.

02 dây hụi này ông V và bà T4 còn thiếu lại chị 51.500.000 đồng. ông V và bà T4 thỏa thuận và trừ tiền cò 1.250.000 đồng, còn thiếu lại 50.250.000 đồng, sau đó ô ông V và bà T4 có trả cho chị được 500.000 đồng, còn lại 49.750.000 đồng.

Chị yêu cầu ông Nguyễn Văn V và bà Trương Lệ T4 trả số tiền hụi là 49.750.000 đồng.

Chị Phạm Út T trình bày: Chị có tham gia 01 chung hụi 1.000.000 đồng mở ngày 15/01/2017 al, một tháng khai 01 lần, có 31 chung do ông V và bà T4 làm đầu thảo. Quá trình tham gia hụi, chị đã đóng được 22 lần ông V và bà T4 đình hụi ngày 15/9/2018 al, số tiền hụi ông V và bà T4 còn thiếu lại chị 22 lần là 22.000.000 đồng. Chị thỏa thuận với ông V và bà T4 thỏa thuận trừ tiền cò 500.000 đồng và trừ 1.500.000 đồng tiền hụi chị còn thiếu ông V và bà T4 ở dây hụi khác. Ông V và bà T4 còn nợ lại chị 20.000.000 đồng.

Chị yêu cầu ông Nguyễn Văn V và bà Trương Lệ T4 trả số tiền hụi là 20.000.000 đồng.

Chị Trần Thị T1 và anh Huỳnh Công C trình bày: Anh chị có tham gia hụi do ông V và bà T4 làm đầu thảo 10 chung, trong 05 dây hụi, cụ thể như sau:

Dây thứ nhất: Hụi 500.000 đồng, mở ngày 10/8/2014 al, một tháng khui 01 lần, có 55 chung, anh chị tham gia 04 chung. Dây hụi đã mãn nhưng ông V và bà T4 không giao hụi cho vợ chồng anh chị số tiền 04 chung là 101.000.000 đồng.

Dây thứ hai: Hụi 500.000 đồng, mở ngày 25/01/2015 al, một tháng khui 01 lần, có 50 chung, anh chị tham gia 01 chung. Dây hụi này anh chị đóng hụi được 45 lần thì ông V và bà T4 đình hụi ngày 15/9/2018 al. Dây hụi này ông V và bà T4 còn thiếu vợ chồng anh 45 lần x 500.000 đồng = 22.500.000 đồng, sau khi trừ tiền còn 250.000 đồng, còn lại còn lại 22.250.000 đồng.

Dây thứ ba: Hụi 1.000.000 đồng, mở ngày 15/01/2017 al, một tháng khui 01 lần, có 31 chung, anh chị tham gia 01 chung. Dây hụi này anh chị đóng hụi được 22 lần thì ông V và bà T4 đình hụi ngày 15/9/2018 al. Dây hụi này ông V và bà T4 còn thiếu vợ chồng anh 22 lần x 1.000.000 đồng = 22.000.000 đồng, sau khi trừ tiền còn 500.000 đồng, còn lại còn lại 21.500.000 đồng.

Dây thứ tư: Hụi 500.000 đồng, mở ngày 30/3/2017 al, một tháng khui 01 lần, có 41 chung, anh chị tham gia 03 chung. Dây hụi này anh chị đóng hụi được 19 lần thì ông V và bà T4 đình hụi ngày 15/9/2018 al. Dây hụi này ông V và bà T4 còn thiếu vợ chồng anh 19 lần x 500.000 đồng x 03 chung = 28.500.000 đồng, sau khi trừ tiền còn mỗi chung 250.000 đồng, còn lại 27.750.000 đồng.

Dây thứ năm: Hụi 500.000 đồng, mở ngày 15/7/2017 al, nửa tháng khui 01 lần, có 45 chung, anh chị tham gia 01 chung. Dây hụi này anh chị đóng hụi được 29 lần thì ông V và bà T4 đình hụi ngày 15/9/2018 al. Dây hụi này ông V và bà T4 còn thiếu vợ chồng anh chị 29 lần x 500.000 đồng = 14.500.000 đồng, sau khi trừ tiền còn 250.000 đồng, còn lại còn lại 14.250.000 đồng.

Tổng công 10 chung hụi ông V và bà T4 thiếu anh chị số tiền 186.750.000 đồng.

Ngoài ra ngày 18/8/2017 al ông V và bà T4 có đến hỏi vay vợ chồng anh số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận. Việc vay mượn không có viết biên nhận.

Tổng số tiền hụi và tiền nợ vay mà ông V và bà T4 còn thiếu vợ chồng anh chị là 206.750.000 đồng. Vợ chồng anh nhiều lần yêu cầu ông V và bà T4 trả số tiền thiếu, nhưng ông V và bà T4 hứa hẹn, sau đó làm giấy xác nhận nợ hụi và tiền vay cho vợ chồng anh chị.

Vợ chồng anh chị yêu cầu ông Nguyễn Văn V , bà Trương Lệ T4 trả tổng số tiền 206.750.000đ.

Bà Nguyễn Thanh H trình bày: Ngày 15/7/2017 vợ chồng ông V có đến gia đình rủ bà tham gia chơi hội, bà có tham gia 01 chung hội 500.000 đồng, 01 tháng khui 02 lần, dây hội có 45 phần. Chung hội này bà đã đóng được 29 lần được 14.500.000 đồng, sau khi trừ tiền còn 250.000 đồng, còn lại còn lại 14.250.000 đồng.

Ngoài ra bà mua của vợ chồng ông V 02 chung hội, gồm 45 phần:

Chết 29 lần x 500.000 đồng x 02 chung = 29.000.000 đồng.

Sống 16 lần x 270.000 đồng x 02 chung = 8.640.000 đồng.

Tổng số tiền mua hội vợ chồng ông V còn thiếu 37.640.000 đồng, sau khi trừ tiền còn 250.000 đồng, còn lại 37.140.000 đồng.

Tổng số tiền hội và tiền mua hội vợ chồng ông V hiện nay còn thiếu bà là 51.390.000 đồng. Các dây hội đã mãn nhưng vợ chồng ông V không thanh toán tiền hội cho bà. Bà có đến yêu cầu vợ chồng ông V thanh toán tiền hội cho bà nhiều lần nhưng vợ chồng ông V không thanh toán.

Bà yêu cầu ông Nguyễn Văn V , bà Trương Lệ T4 trả tổng số tiền hội 51.390.000đ

Chị Nguyễn Kim T2 và anh Trần Bá T3 trình bày: Ngày 25/01/2015, anh chị có tham gia 01 chung hội 500.000 đồng, dây hội có 50 chung. Chung hội này anh chị đã đóng được 45 kỳ với số tiền 22.500.000 đồng, sau khi trừ tiền còn 250.000 đồng, chung hội này ông V và bà T4 còn thiếu anh chị 22.250.000 đồng.

Tháng 02/2015 anh chị mua thêm 01 chung hội của ông V và bà T4, dây hội 50 chung số tiền 25.000.000 đồng, khi rút phải trừ còn 250.000 đồng. Dây hội này ông V và bà T4 thiếu anh chị 24.750.000 đồng. Tổng 2 dây hội ông V và bà T4 thiếu anh chị là 47.000.000 đồng. Các dây hội đã mãn nhưng ông V và bà T4 không chung hội cho anh chị. Đến ngày 01/11/2018, ông V làm giấy xác nhận nợ hội và xin bớt 05 phần với số tiền 2.500.000 đồng được anh chị đồng ý.

Anh chị yêu cầu ông V và bà T4 trả số tiền hội 44.500.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn V trình bày: Vào khoảng năm 1997 ông có cùng vợ là Trương Lệ T4 mở các dây hội 500.000 đồng và 1.000.000 đồng để hưởng hoa hồng làm kinh tế gia đình, từ khi mở hội đến khoảng năm 1998 có một số hội viên hốt hội xong không đóng lại hội chết cho vợ chồng ông. Sau đó vợ ông bệnh vào năm 2014 ông có vay tiền và hốt hội lấy tiền để điều trị bệnh cho vợ ông. Năm 2016 ông hùn vốn nuôi tôm công nghiệp nhưng người hùn vốn không làm được khoảng 02 năm nên bị thất thoát một số tiền. Sau đó ông tiếp tục hốt hội để lấp hội cho các hội viên khác kéo dài đến tháng 11/2018 do không đủ khả năng chi trả cho các hội viên nên ông ngưng hội đến nay. Khi ngưng hội, ông gom hội của các hội viên đã hốt và đi làm ăn lấy tiền trả cho một số hội viên chưa hốt. Nay ông xác định sau khi cân trừ hội chết, ông còn thiếu của anh Phạm Như E số tiền 13.750.000 đồng; Thiếu chị Phạm Thu Y số tiền 49.750.000 đồng; Thiếu chị Phạm Út T số tiền 20.000.000 đồng; Thiếu chị

Nguyễn Thanh H số tiền hụi và mua hụi là 51.390.000 đồng; Thiếu anh Trần Bá T3 và chị Nguyễn Kim T2 số tiền hụi và mua hụi 44.500.000 đồng; Thiếu anh Huỳnh Công C và Trần Thị T1 số tiền hụi 186.750.000 đồng và tiền vay 20.000.000 đồng, tổng hai khoản là 206.750.000 đồng. Đối với các khoản nợ trên ông đều có ghi biên nhận thiếu nợ.

Nay ông đồng ý cùng vợ là Trương Lệ T4 trả các khoản nợ trên, nhưng cho vợ chồng ông trả dần vì hiện nay vợ chồng ông đang gặp khó khăn phải đi làm thuê.

Đối với bị đơn bà Trương Lệ T4: Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà Thủy theo quy định của pháp luật nhưng bà T4 không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Trương Lệ T4 và anh Trần Bá T2 đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T4 và anh T2 .

[2] Về quan hệ tranh chấp: Việc anh Phạm Như E , anh Trần Bá T , chị Nguyễn Kim T1, bà Nguyễn Thanh H , chị Trần Thị T2 , anh Huỳnh Công C , chị Phạm Út T và chị Phạm Thu Y khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn V và bà Trương Lệ T4 trả số tiền hụi và vay còn thiếu. Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết là tranh chấp về giao dịch dân sự theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Hợp đồng giao dịch hụi và vay do các bên xác lập trước thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định Bộ luật Dân sự năm 2015, nay xảy ra tranh chấp về hợp đồng giao dịch hụi và vay nên cần áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 giải quyết.

[4] Về nội dung vụ án: Anh Phạm Như E có tham gia 01 chung hụi 500.000 đồng, mở ngày 15/7/2017 al. Quá trình tham gia hụi anh đã đóng được 28 lần. Nay anh yêu cầu ông Nguyễn Văn V và bà Trương Lệ T4 trả số tiền anh đã đóng hụi thực tế là 10.000.000 đồng.

[5] Chị Y xác định vào năm 2017 chị có tham gia hụi do ông V và bà T4 làm đầu thảo, mở ngày 15/01/2017 al, hụi 1.000.000 đồng, chị tham gia 02 chung và chị đóng hụi được 21 lần. Dây hụi mở ngày 30/3/2017 al, hụi 500.000 đồng, chị tham gia 01 chung và chị đóng hụi được 19 lần. Nay chị yêu cầu ông V và bà T4 trả tổng số tiền chị đã đóng hụi thực tế là 40.000.000 đồng.

[6] Chị T xác định có tham gia 01 chung hụi 1.000.000 đồng, mở ngày 15/01/2017 al. Quá trình tham gia hụi, chị đã đóng được 22 lần ông V và bà T4 đình hụi ngày 15/9/2018 al. Nay chị yêu cầu ông V và bà T4 trả số tiền chị đã đóng hụi thực tế là 17.000.000 đồng.

[7] Bà H xác định vào ngày 15/7/2017 vợ chồng ông V có đến gia đình rủ bà tham gia chơi hụi, bà có tham gia 01 chung hụi 500.000 đồng. Quá trình tham gia bà đã đóng được 24 lần. Ngoài ra bà mua của vợ chồng ông Vàng 02 chung hụi. Nay bà yêu cầu ông V và bà T4 trả cho bà tổng số tiền bà đã đóng hụi thực tế là 10.000.000 đồng và tiền mua hụi là 30.000.000 đồng, tổng hai khoản là 40.000.000 đồng.

[8] Chị T2 và anh T3 xác định vào ngày 25/01/2015, anh chị có tham gia 01 chung hụi 500.000 đồng. Quá trình tham gia anh chị đã đóng được 45 lần. Ngoài ra anh chị có mua 01 chung hụi của ông V và bà T4. Nay anh chị yêu cầu ông V và bà T4 trả cho anh chị số tiền đã đóng hụi thực tế là 16.000.000 đồng và tiền mua hụi là 19.000.000 đồng, tổng hai khoản là 35.000.000 đồng.

[9] Chị T1 và anh C xác định vào các năm 2014, 2015 và 2017 anh chị có tham gia hụi do ông V và bà T4 làm đầu thảo 10 chung, trong 05 dây hụi. Ông V và bà T4 còn thiếu vợ chồng tiền hụi 166.750.000 đồng. Ngoài ra, ngày 18/8/2017 al ông V và bà T4 có đến hỏi vay vợ chồng anh số tiền 20.000.000 đồng. Nay vợ chồng anh yêu cầu ông V và bà T4 trả tổng số tiền hụi và tiền nợ vay còn thiếu là 186.750.000 đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn thấy rằng, theo các biên nhận do các nguyên đơn cung cấp có nội dung ông V có ký nhận tiền nợ hụi và vay đối với các nguyên đơn. Tại phiên tòa các nguyên đơn yêu cầu ông V và bà T4 trả số tiền các nguyên đã đóng hụi thực tế cho ông V và bà T4. Ông Vàng xác định còn thiếu các nguyên đơn số tiền vay và tiền hụi như các nguyên đơn yêu cầu và ông đồng ý cùng vợ là bà Trương Lệ T4 trả số tiền còn thiếu cho các nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định “...*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết...mà bên đương sự đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh...*” nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[10] Đối với bà T4, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập họp lệ bà T4 nhiều lần để tham gia giải quyết vụ án, nhưng bà T4 không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn nên bà T4 phải chịu thiệt hại về sự vắng mặt của mình.

[11] Ngoài ra, ông V xác định tại thời điểm ông V và bà T4 mở hụi có mối quan hệ vợ chồng và chưa được Tòa án giải quyết chấm dứt quan hệ hôn nhân. Hơn nữa, việc chơi hụi trong dân nhằm mục đích giúp đỡ lẫn nhau để phát triển kinh tế gia đình, cũng như thu nhập hợp pháp của vợ hoặc chồng trong thời kỳ hôn nhân. Căn cứ vào Điều 288 Bộ luật dân sự; Điều 27 và Điều 37 Luật hôn nhân gia đình ông V và bà T4 phải có trách nhiệm liên đới trả tiền hụi và vay cho các nguyên đơn.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Văn V và bà Trương Lệ T4 liên đới trả cho anh Phạm Như E số tiền hụi 10.000.000 đồng, trả cho chị Phạm Thu Y số tiền hụi 40.000.000 đồng, trả cho chị Phạm Út T số tiền hụi 17.000.000 đồng, trả cho bà

Nguyễn Thanh H số tiền hụi và mua hụi 40.000.000 đồng, trả cho chị Nguyễn Kim T1 và anh Trần Bá T2 số tiền hụi và tiền mua hụi 35.000.000 đồng và trả cho chị Trần Thị T3 và anh Huỳnh công C số tiền hụi và tiền vay 186.750.000 đồng.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông V và bà T4 phải chịu số tiền là 16.437.500 đồng. (328.750.000 đồng x 5%)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 233, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 288, Điều 688, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị định số 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Như E , chị Phạm Thu Y , chị Phạm Út T , bà Nguyễn Thanh H , chị Nguyễn Kim T1 và anh Trần Bá T2, chị Trần Thị T3 và anh Huỳnh Công C .

Buộc ông Nguyễn Văn V và bà Trương Lệ T4 liên đới trả cho anh Phạm Như E số tiền hụi 10.000.000 đồng (mười triệu đồng); Trả cho chị Phạm Thu Y số tiền hụi 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng); Trả cho chị Phạm Út T số tiền hụi 17.000.000 đồng (mười bảy triệu đồng); Trả cho bà Nguyễn Thanh H số tiền hụi và tiền mua hụi 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng); Trả cho chị Nguyễn Kim T1 và anh Trần Bá T2 số tiền hụi và tiền mua hụi 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng); Trả cho chị Trần Thị T3 và anh Huỳnh Công C số tiền hụi và tiền vay 186.750.000 đồng (một trăm tám mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Như E , chị Phạm Thu Y , chị Phạm Út T , chị Nguyễn Kim T1 và anh Trần Bá T2 , chị Trần Thị T3 và anh Huỳnh Công C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho anh Em 350.000 đồng (ba trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0009290; chị Yên 1.244.000 đồng (một triệu hai trăm bốn mươi bốn ngàn đồng) theo biên lai số 0009291; chị Trinh 500.000 đồng (năm trăm ngàn

đồng) theo biên lai số 0009196 cùng ngày 18/4/2019; anh Thành và chị Tiên 1.113.000 đồng (một triệu một trăm mười ba ngàn đồng) theo biên lai số 0009173 ngày 27/3/2019; anh Chuyện và chị Tiên 2.584.000 đồng (hai triệu năm trăm tám mươi bốn ngàn đồng) theo biên lai số 0009250 ngày 04/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Ông Nguyễn Văn V và bà Trương Lệ T4 phải chịu 16.437.000 đồng (mười sáu triệu bốn trăm ba mươi bảy ngàn đồng) ông Vàng và bà Thủy chưa nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án Đầm Dơi.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Ngô Giang Nam

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoài Phong Trần Chí Nhân

Ngô Giang Nam

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án Đầm Dơi.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Giang Nam

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM ĐOI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi... giờ...phút, ngày 12 tháng 7 năm 2019.

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam

Ông Nguyễn Hoài Phong

Ông Trần Chí Nhân

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 148/2019/TLST–DS ngày 18 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp hụi và vay tài sản giữa:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Kết quả biểu quyết: 03/03.

Về các vấn đề khác:

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Như Em, chị Phạm Thu Yên, chị Phạm Út Trinh, chị Nguyễn Kim Tiến và anh Trần Bá Thành, chị Trần Thị Tiên và anh Huỳnh Công Chuyện không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho anh Em 350.000 đồng (ba trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0009290; chị Yên 1.244.000 đồng (một triệu hai trăm bốn mươi bốn ngàn đồng) theo biên lai số 0009291; chị Trinh 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0009196 cùng ngày 18/4/2019; anh Thành và chị Tiên 1.113.000 đồng (một triệu một trăm mười ba ngàn đồng) theo biên lai số 0009173 ngày 27/3/2019; anh Chuyện và chị Tiên 2.584.000 đồng (hai triệu năm trăm tám mươi bốn ngàn đồng) theo biên lai số 0009250 ngày 04/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Ông Nguyễn Văn Vàng và bà Trương Lê Thủy phải chịu 16.437.000 đồng (mười sáu triệu bốn trăm ba mươi bảy ngàn đồng) ông Vàng và bà Thủy chưa nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Kết quả biểu quyết: 03/03.

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 12 tháng 7 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoài Phong Trần Chí Nhân

Ngô Giang Nam

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2019/QĐST-DS

Đàm Dơi, ngày 12 tháng 7 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoài Phong
2. Ông Trần Chí Nhân

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 148/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Anh Phạm Như Em, sinh năm 1983.
2. Chị Nguyễn Kim Tiến, sinh năm 1988.
3. Anh Trần Bá Thành, sinh năm 1986.
4. Bà Nguyễn Thanh Hương, sinh năm 1946.
5. Chị Trần Thị Tiên, sinh năm 1981.
6. Anh Huỳnh Công Chuyện, sinh năm 1981.

Cùng cư trú tại: Ấp Tân Thành A, xã Tạ An Khương Nam, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau. (đều có mặt)

7. Chị Phạm Út Trinh, sinh năm 1991.

Cư trú tại: Ấp Tân Hồng, xã Tạ An Khương Nam, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

8. Chị Phạm Thu Yên, sinh năm 1978.

Cư trú tại: Ấp Tân Lợi A, xã Tạ An Khương Nam, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Vàng, sinh năm 1971 và bà Trương Lệ Thủy, sinh năm 19

Cùng cư trú tại: Ấp Tân Thành A, xã Tạ An Khương Nam, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Anh Phạm Như Em yêu cầu ông Nguyễn Văn Vàng và bà Trương Lệ Thủy trả số tiền 13.750.000 đồng; Chị Phạm Như Yên yêu cầu ông Nguyễn Văn Vàng và bà Trương Lệ Thủy trả số tiền 49.750.000 đồng; Chị Phạm Út Trinh yêu cầu ông Nguyễn Văn Vàng và bà Trương Lệ Thủy trả số tiền 20.000.000 đồng; Bà Nguyễn Thanh Hương yêu cầu ông Nguyễn Văn Vàng và bà Trương Lệ Thủy trả số tiền

51.390.000 đồng; Anh Trần Bá Thành và chị Trần Kim Tiến yêu cầu ông Nguyễn Văn Vàng và bà Trương Lệ Thủy trả số tiền 44.500.000 đồng; Anh Huỳnh Công Chuyện và Trần Thị Tiên yêu cầu ông Nguyễn Văn Vàng và bà Trương Lệ Thủy trả số tiền 206.750.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn Vàng và bà Trương Lệ Thủy đồng ý trả cho anh Phạm Như Em số tiền hụi 13.750.000 đồng (mười ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng); Trả cho chị Phạm Thu Yên số tiền hụi 49.750.000 đồng (bốn mươi chín triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng); Trả cho chị Phạm Út Trinh số tiền hụi 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng); Trả cho bà Nguyễn Thanh Hương số tiền hụi và tiền mua hụi 51.390.000 đồng (năm mươi một triệu ba trăm chín mươi ngàn đồng); Trả cho chị Nguyễn Kim Tiến và anh Trần Bá Thành số tiền hụi và tiền mua hụi 44.500.000 đồng (bốn mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng); Trả cho chị Trần Thị Tiên và anh Huỳnh Công Chuyện số tiền hụi và tiền vay 206.750.000 đồng (hai trăm lẻ sáu triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Kết quả biểu quyết: 03/03.

Về các vấn đề khác:

Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Như Em, chị Phạm Thu Yên, chị Phạm Út Trinh, chị Nguyễn Kim Tiến và anh Trần Bá Thành, chị Trần Thị Tiên và anh Huỳnh Công Chuyện không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho anh Em 350.000 đồng (ba trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0009290; chị Yên 1.244.000 đồng (một triệu hai trăm bốn mươi bốn ngàn đồng) theo biên lai số 0009291; chị Trinh 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0009196 cùng ngày 18/4/2019; anh Thành và chị Tiên 1.113.000 đồng (một triệu một trăm mười ba ngàn đồng) theo biên lai số 0009173 ngày 27/3/2019; anh Chuyện và chị Tiên 2.584.000 đồng (hai triệu năm trăm tám mươi bốn ngàn đồng) theo biên lai số 0009250 ngày 04/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Ông Nguyễn Văn Vàng và bà Trương Thị Thu Thủy (Trương Thu Thủy) phải chịu 19.307.000 đồng (mười chín triệu ba trăm lẻ bảy ngàn đồng) chưa nộp.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án Đầm Dơi.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Giang Nam

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hà Nguyễn Văn Hiến

Ngô Giang Nam

